TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 05/02/2026
V/v "Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: 1/ Ông Phan Trịnh Minh Đức

2/ Ông Hồ Minh Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Thoa -Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 177/2025/TLPT-HNGĐ ngày 01/12/2025 về việc "Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân".

Do Bản án hôn nhân sơ thẩm số 538/2025/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 18/9/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh và bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7913/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định hoãn phiên tòa số 1279/2026/QĐ-PT ngày 19/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Đỗ Đình T, sinh năm 1979

Địa chỉ: 9/92 đường Bạch Đằng, phường Gia Hội, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, Thành phố H

- *Bị đơn:* bà Đinh Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ liên lạc: 55 đường số 5A, phường Bình Hưng Hòa A, quận B, Thành phố H

Do có kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Đình T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nguyên đơn ông Đỗ Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Đinh Thị H chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97, do Ủy ban nhân phường Phú Cát, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, (nay là phường Phú Xuân, Thành phố Huế) cấp ngày 27/9/2005.

Về con chung: ông và bà H có hai con chung tên Đỗ Thị Ry N, sinh ngày 01/11/2006 và Đỗ Thị Kim T, sinh ngày 11/11/2014. Hiện các con đang được bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống ông và bà H đã tạo lập được một căn nhà tại số 1A, đường số 3C, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân (nay là phường Bình Hưng Hòa), Thành phố Hồ Chí Minh, đã bán cho ông Trần Như Hà được 3.270.000.000 đồng, trả nợ Ngân hàng 1.600.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà H giữ nên ông yêu cầu Tòa án buộc bà H chia cho ông ½ số tiền còn lại là 835.000.000 đồng.Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T xác định chỉ yêu cầu bà H chia cho ông số tiền là 831.643.687 đồng.

Riêng các quan hệ hôn nhân, con chung và cấp dưỡng cho con, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này vì ông cho rằng chưa giải quyết và thi hành xong về tài sản chung thì ông không yêu cầu giải quyết các quan hệ trên theo quy định của pháp luật.

Theo bị đơn bà Đinh Thị H trình bày:

Khi bà kết hôn với ông Đỗ Đình T thì hai người chỉ là người làm thuê, sau khi kết hôn cả hai thuê nhà ở và đi làm được một thời gian thì tích cóp được một số tiền nên đã thống nhất vay thêm của người thân, ứng lương... để mua đất bằng giấy tay tại đường Liên ấp 1-2-3, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh (nay là xã Vĩnh Lộc), Thành phố Hồ Chí Minh và tiếp tục tích cóp, vay thêm để xây nhà không phép để ở.

Sau khi có hai con chung thì bà và ông T thống nhất thuê căn nhà số 1A, đường số 3C, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân (nay là phường Bình Hưng Hòa), Thành phố Hồ Chí Minh để gia công quần, áo. Ông T ở nhà cắt quần, áo rồi đem giao lại cho các cơ sở gia công, bà mang quần, áo đã gia công thành phẩm bán lại cho các cửa hàng tại chợ Tân Bình. Toàn bộ các khoản thu, chi, mua, bán, vay, mượn ... trong gia đình đều do bà thực hiện kể từ khi bà và ông Tân chung sống với nhau đến nay.

Hoạt động gia công quần, áo được một thời gian thì bà và ông T thống nhất bán (bằng giấy tay) căn nhà tại đường Liên ấp 1-2-3, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh (nay là xã Vĩnh Lộc), Thành phố Hồ Chí Minh nói trên với giá 1.200.000.000 đồng và dùng toàn bộ số tiền này mua lại căn nhà số 1A đường số 3C phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân (nay là phường Bình Hưng Hòa), Thành phố Hồ Chí Minh đã thuê trước đó với giá 3.000.000.000 đồng để có chỗ ở tiếp tục gia công hàng và các con đi học cho gần.

Do thiếu tiền nên bà và ông T thế chấp căn nhà đã mua tại Ngân hàng TMCP Á Châu vay số tiền là 1.600.000.000 đồng để trả tiền mua nhà nhưng vẫn không đủ nên bà đã vay thêm của bà Đinh Thị Hường số tiền 100.000.000 đồng, vay bà Đinh Thị Hằng số tiền 200.000.000 đồng và vay bà Lộc Hà (chủ chỗ bà làm thuê) số tiền 100.000.000 đồng để trả tiền mua và sửa nhà vì căn nhà lúc mua đã xuống cấp.Sau khi dịch bệnh bùng phát, không làm ăn được, bà và ông T vay thêm 300.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Á Châu. Như vậy, tổng hai khoản vay ngân hàng là 1.900.000.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ khi chuyển về căn nhà số 1A, đường số 3C, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân (nay là phường Bình Hưng Hòa), Thành phố Hồ Chí Minh, ông T thay đổi tính tình; nguyên nhân là do nghiện Game, không làm phụ giúp bà nhằm phát triển kinh tế gia đình. Bà nói thì ông T đánh bà rồi bỏ đi vài ngày về và dẫn người đến đòi bán nhà để đưa tiền cho ông về quê nên bà không đồng ý bán vì các con đang ăn học tại Thành phố Hồ Chí Minh và còn nợ Ngân hàng...Bà và các con không thể chịu đựng sự đánh đập, hành hạ của ông T nên đã bán căn nhà trên cho ông Trần Như Hà với giá 3.270.000.000 đồng như ông T đã trình bày trên.

Sau khi nhận tiền bán nhà từ ông Trần Như Hà, bà H đã dùng số tiền này giải chấp các khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Á Châu là 1.706.158.380 đồng, nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất về công chứng hợp đồng mua bán nhà cho ông Trần Như Hà, trả tiền môi giới 50.000.000 đồng, trả tiền bớt lộc cho ông Trần Như Hà 20.000.000 đồng, trả nợ các khoản vay để mua nhà trước đó gồm: bà Đinh Thị Hường 100.000.000 đồng, bà Đinh Thị Hằng 200.000.000 đồng, bà Lộc Hà 100.000.000 đồng, bà Đỗ Thị Thu Thủy (là chị gái ông T) 50.000.000 đồng, xây mộ cho gia đình chồng là 7.000.000 đồng, niềng răng cho con Đỗ Thị Ry N 40.000.000đồng nên bà chỉ còn giữ số tiền là 900.000.000 đồng và đã chi dùng cho các nhu cầu thiết yếu trong gia đình như trả tiền thuê nhà (tạm tính từ ngày 22/10/2020 đến ngày 22/8/2025 là 378.000.000 đồng); tiền học phí và chi phí ăn, mặc... cho hai con là 5.000.000 đồng/con/tháng = 580.000.000 đồng; tiền điện là 58.000.000đồng; tiền nước là 17.400.000đồng; tiền mua bảo hiểm nhân thọ cho ông Đỗ Đình T là 165.000.000 đồng; đưa cho ông T tiêu xài cá nhân là 60.000.000đồng và tiêm ngừa cho con Đỗ Thị Ry N là 9.000.000 đồng.

Như vậy, kể từ khi bán nhà (ngày 22/10/2020) bà đã dùng toàn bộ số tiền thu được từ việc bán nhà để trả nợ và sử dụng cho việc ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể tH của các con, của một gia đình vì từ khi bán nhà cho đến nay, ông T không thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng các con, không làm tròn trách nhiệm của một người chồng, một người cha... Số tiền bán nhà đã hết, hiện tại, bà và các con đang thuê nhà để ở nhưng ông T không về để cùng bà nuôi dạy các con... Vì vậy, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm 538/2025/HNGĐ-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đình T về việc yêu cầu bà Đinh Thị H chia cho ông số tiền 831.643.687 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 9/9/2025 nguyên đơn ông Đỗ Đình T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông.

Ngày 18/9/2025 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-HNGĐ kháng nghị toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm 538/2025/HNGĐ-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị sửa toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm vì chưa xem xét đầy đủ, toàn diện vụ án làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông T xác định ông chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà H thanh toán cho ông số tiền bán căn nhà số 1A, đường số 3C, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân (nay là phường Bình Hưng Hòa), Thành phố Hồ Chí Minh còn lại, ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác trong vụ án này. Nay ông T và bà H thống nhất thỏa thuận như sau: Bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền bán căn nhà số 1A, đường số 3C, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân (nay là phường Bình Hưng Hòa), Thành phố Hồ Chí Minh còn lại là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thanh toán 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng còn lại thanh toán trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Án phí các bên chịu theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Đối với kháng cáo của ông T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9: tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 18/9/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh và đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Đình T còn trong thời hạn luật định, ông T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, phù hợp với quy định tại Điều

273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo, kháng nghị được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Ông Đỗ Đình T và bà Đinh Thị H chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97, do Ủy ban nhân phường Phú Cát, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, (nay là phường Phú Xuân, Thành phố Huế) cấp ngày 27/9/2005 và có hai con chung tên Đỗ Thị Ry N, sinh ngày 01/11/2006, Đỗ Thị Kim T, sinh ngày 11/11/2014. Hiện các con đang được bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về tài sản chung: Ông T và bà H có tạo lập được tài sản chung là căn nhà tại số 1A, đường số 3C, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân (nay là phường Bình Hưng Hòa), Thành phố Hồ Chí Minh, đã bán cho ông Trần Như Hà được 3.270.000.000 đồng, trả nợ Ngân hàng 1.600.000.000đồng. Số tiền còn lại bà H giữ nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H chia cho ông ½ số tiền còn lại là 831.643.687 đồng nhưng không được Tòa sơ thẩm chấp nhận nên kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T xác định ông chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà H thanh toán cho ông tiền bán căn nhà số 1A, đường số 3C, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân (nay là phường Bình Hưng Hòa), Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác trong vụ án này. Đồng thời, ông T và bà H thống nhất thỏa thuận được như sau: Bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền bán căn nhà số 1A, đường số 3C, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân (nay là phường Bình Hưng Hòa), Thành phố Hồ Chí Minh còn lại là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thanh toán 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng còn lại thanh toán trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Án phí các bên chịu theo quy định pháp luật. Xét thấy, thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí : Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng tài sản chung được chia, theo quy định pháp luật. Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 38, Điều 148, Điều 300, Điều 306, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 29, Điều 33, Khoản 3 Điều 38, Khoản 3 Điều 39, Điều 40 Luật Hôn nhân và Gia

đình 2014; Căn cứ Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 18/9/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh và chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Đình T về mặt hình thức.

* Về nội dung: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Đình T. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 538/2025/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Đình T.

Bà Đinh Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đỗ Đình T số tiền bán căn nhà số 1A, đường số 3C, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân (nay là phường Bình Hưng Hòa), Thành phố Hồ Chí Minh còn lại là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thanh toán 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng còn lại thanh toán trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí và thi hành án:

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu luật pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày ông Đỗ Đình T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bà Đinh Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 20.047.155 (Hai mươi triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm năm mươi lăm) đồng mà ông T đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0067367 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 9), Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho ông Đỗ Đình T số tiền chênh lệch là 5.047.155 (Năm triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm năm mươi lăm) đồng. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Đỗ Đình T không phải chịu, hoàn lại cho ông Đỗ Đình T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp là 300.000đ theo

biên lai thu tiền số 0019038 ngày 22/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- THADS TP.HCM ;
- TAND khu vực 9, TPHCM;
- Phòng THADS khu vực 9 TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương